

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **335/2023/DS-ST**

Ngày: 22/08/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên;**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

+ Bà **Đặng Thị Mỹ Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 249/2023/TLST-DS ngày 15/6/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Cao Thị R** – sinh năm 1955;

Địa chỉ: ấp BK2, xã BPN, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: **Hồ Thị N** – sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp PH, xã LK, thị xã Cai Lậy, Tiền Giang.

* Bị đơn: **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp BK2, xã BPN, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

(*Chị N có mặt, chị T vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Cao Thị R trình bày: Vào năm 2020, chị Nguyễn Thị T có mua phân bón, thuốc trừ sâu của bà. Quá trình mua bán, chị T

có trả tiền cho bà. Đến ngày 18/01/2022, hai bên tổng kết nợ thì chị T còn nợ số tiền 32.174.000 đồng, chị T ký tên vào giấy tổng kết nợ và hứa trả mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng không thực hiện. Nay bà yêu cầu chị T trả số tiền 32.174.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/02/2022 đến khi xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Cao Thị R khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T trả số tiền mua bán vật tư nông nghiệp. Quá trình thực hiện giao dịch, chị T có trả tiền cho bà R đến ngày 18/01/2022 thì ngưng không trả nữa nên bà R đã khởi kiện, xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bị đơn chị Nguyễn Thị T cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị T mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị R, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà R khởi kiện yêu cầu chị T trả tiền mua bán vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) số tiền là 32.174.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là bà R cung cấp cho Tòa án giấy biên nhận theo dõi quá trình số tiền mua bán giữa hai bên do bà R viết, quá trình thực hiện giao dịch đến ngày 18/01/2022, tổng kết nợ thì phía chị T ký tên xác nhận có nợ bà R số tiền 32.174.000 đồng. Từ ngày tổng kết nợ đến nay thì chị T không có trả cho bà R số tiền nào.

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quy định:

“ 2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Chị T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị không đến trình bày ý kiến của mình và cũng không nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của bà R là từ bỏ quyền chứng minh của mình, không chứng minh được số tiền bà R khởi kiện đã được chị trả hay chưa, nên

Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Do đó, việc bà R yêu cầu chị T trả số tiền còn nợ 32.174.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: Bà R yêu cầu tính lãi ngày 01/02/2022 đến khi xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng là có cơ sở chấp nhận. Tính lãi số tiền 32.174.000 đồng từ ngày 01/02/2022 đến ngày 22/8/2023 là 18 tháng 22 ngày, số tiền lãi là 32.174.000 đồng x 18 tháng 22 ngày x 0,83%/ tháng = 5.002.000 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi chị T nợ bà R là 32.174.000 đồng + 5.002.000 đồng = 37.176.000 đồng.

[6] Về thời gian trả: Do chị T chậm trả tiền cho bà R, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà R nên bà R yêu cầu chị T trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà R được chấp nhận nên chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị R.

Buộc chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Cao Thị R số tiền vốn 32.174.000 đồng và tiền lãi 5.002.000 đồng. Tổng cộng là 37.176.000 đồng (Ba mươi bảy triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 1.859.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện Chợ Gạo;*
- *Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;*
- *Nông xã;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

Phan Thị Cẩm Tiên